FireAnt

CTCP Vinafco (UPCOM: VFC)

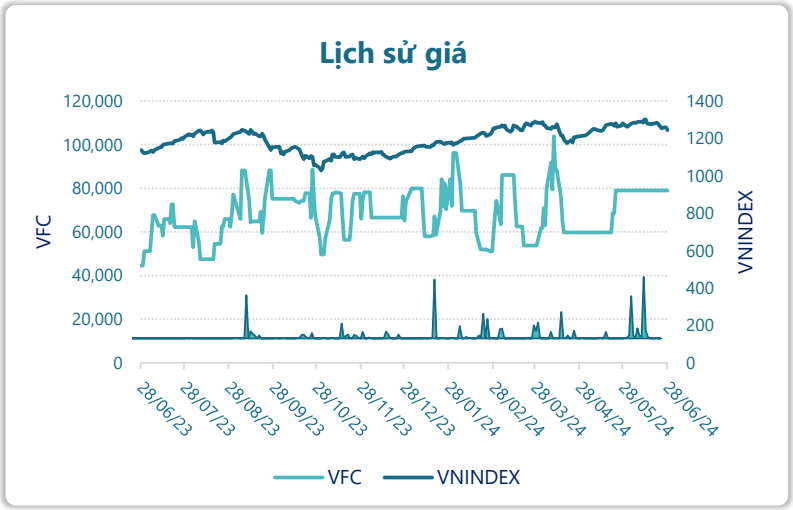

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**79,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	103,848
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,534
SL cổ phiếu LH	33,801,062
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,670
P/E	136.6
EPS	578

DT thuần

Q2/24

278

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -2.9%

YoY: ▼42.0| -13.2%

LN sau thuế

Q2/24

7.78

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.7| 259%

YoY: ▼13.9| -64.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.3%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

6T 2024

564

tỷ VNĐ

YoY: ▼48.0| -7.8%

LN sau thuế

6T 2024

2.89

tỷ VNĐ

YoY: ▼26.6| -90.2%

ROE

Q2/24

2.7%

+/- YoY: ▼ 10.8%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

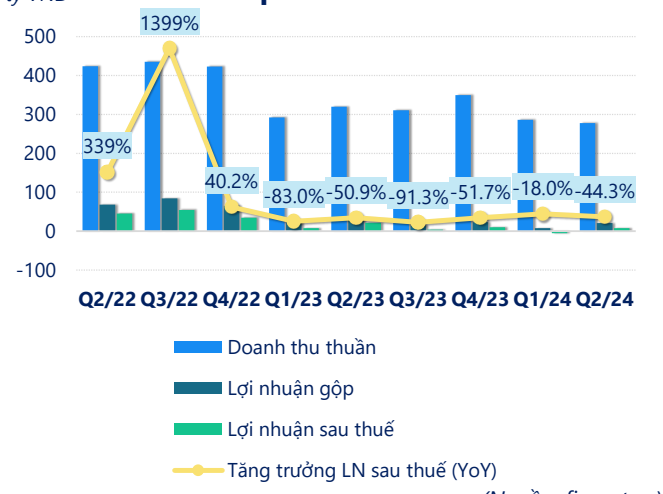

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

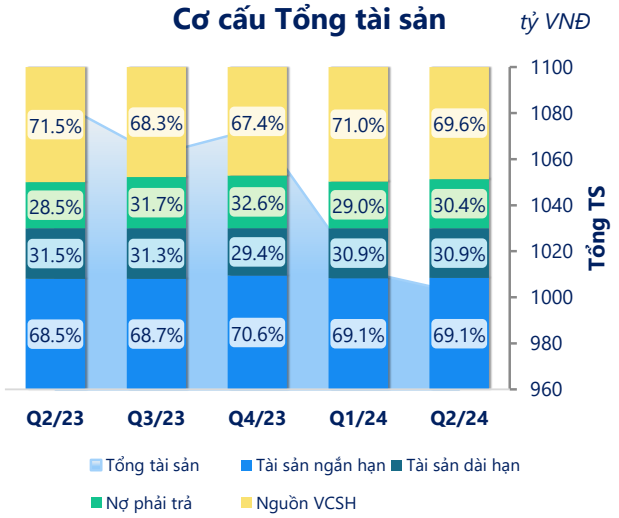

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

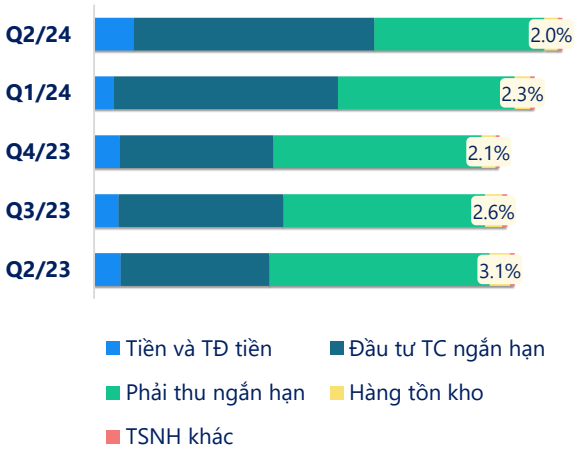

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

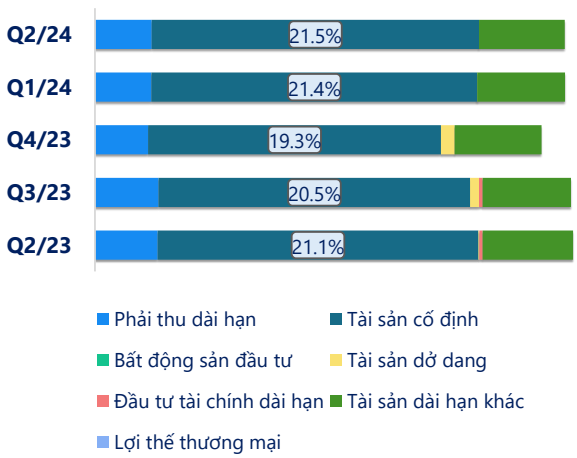

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

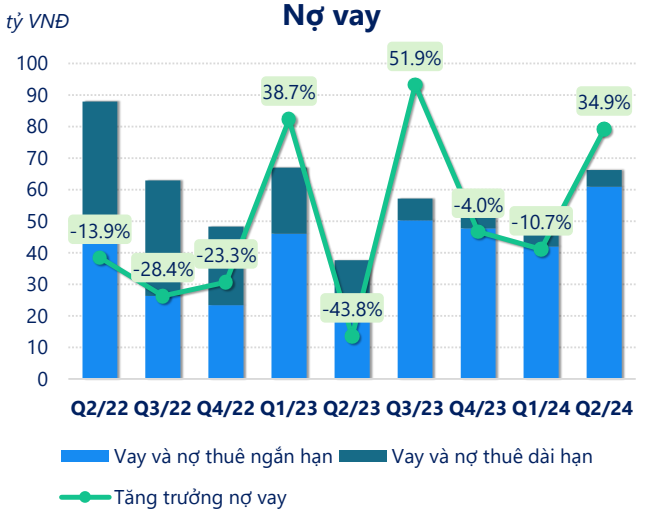

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

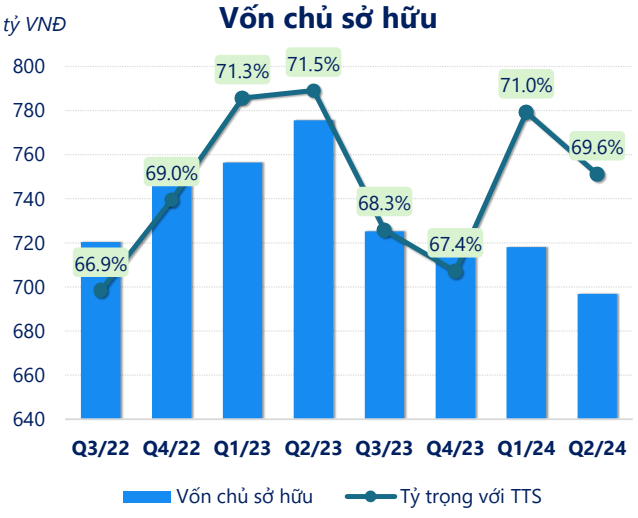

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

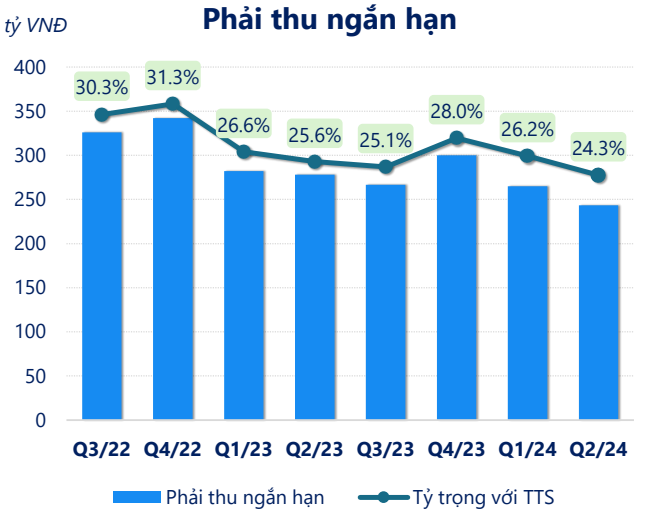

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

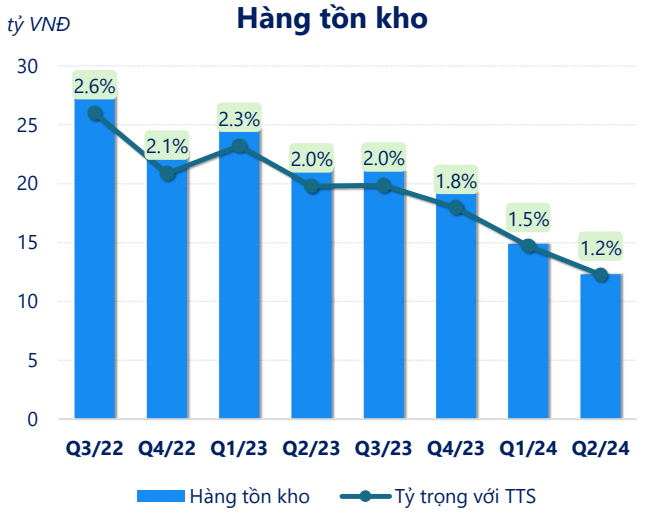

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

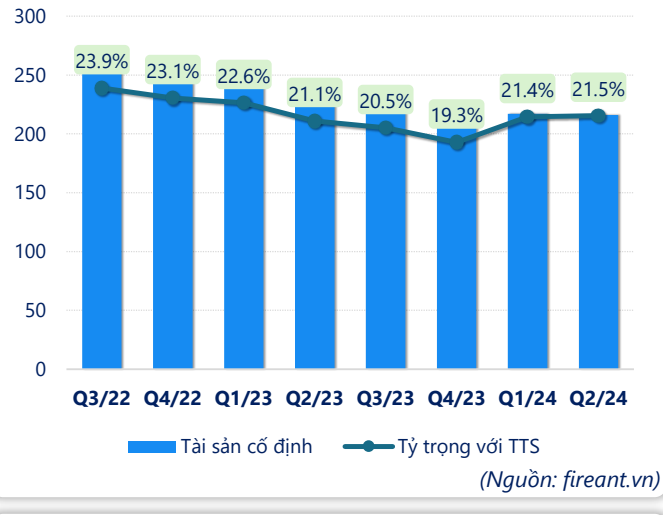

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

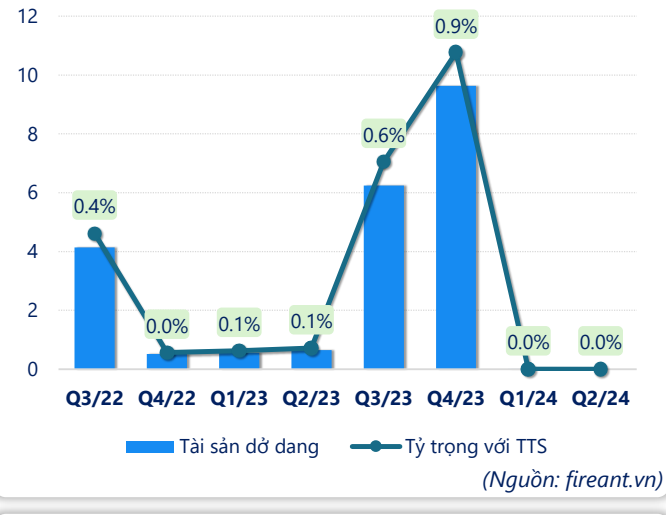

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

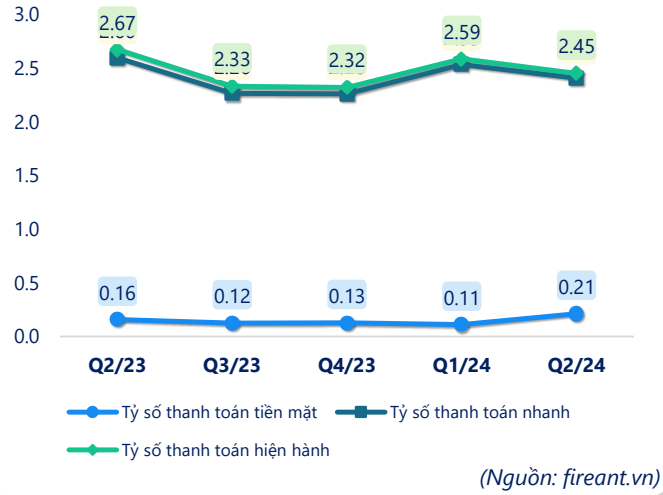

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

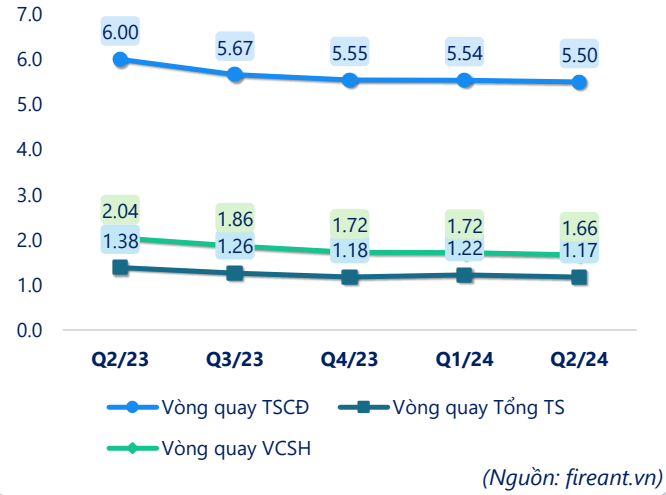

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,085**	**1,062**	**1,073**	**1,012**	**1,002**
Tài sản ngắn hạn	**744**	**729**	**758**	**699**	**692**
Tiền và tương đương tiền	43.7	39.1	41.7	30.0	59.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	393	395	387	380	366
Phải thu ngắn hạn	278	267	300	265	243
Hàng tồn kho	21.5	21.1	19.3	14.9	12.3
Tài sản ngắn hạn khác	7.72	7.57	9.74	9.07	10.7
Tài sản dài hạn	**342**	**333**	**315**	**313**	**310**
Phải thu dài hạn	44.8	44.5	37.7	37.6	37.5
Tài sản cố định	229	218	207	217	216
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.65	6.24	9.63	0.00	0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.46	2.46	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	64.6	61.8	61.3	58.5	56.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**310**	**337**	**350**	**294**	**305**
Nợ ngắn hạn	**278**	**313**	**327**	**270**	**282**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.2	50.3	47.7	42.0	61.0
Phải trả người bán ngắn hạn	185	183	221	167	166
Nợ dài hạn	31.6	24.0	23.7	23.8	22.6
Vay và nợ thuê dài hạn	14.5	6.88	7.17	7.08	5.23
Nguồn vốn chủ sở hữu	**776**	**725**	**723**	**718**	**697**
Vốn chủ sở hữu	**776**	**725**	**723**	**718**	**697**
Vốn điều lệ	340	340	340	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)